

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 tháng 9 năm 2017

*“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nghiêm Thế Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2017/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Hoài T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 29 đường TN, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Vi P**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 29 đường TN, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2017, bản tự khai ngày 31/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Hoài T trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Vi P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 19/7/2008. Sau khi kết hôn, anh và chị P sinh sống tại 29 đường TN, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Huỳnh Thị Vi P không biết chăm lo nhà cửa, con cái, vun vén cho gia đình. Đến ngày 16/5/2017 chị P đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Trong thời gian này, có nhiều người đến nhà

anh đòi nợ riêng cá nhân của chị P vay mượn, đã gây nhiều phiền hà cho anh và gia đình. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Huỳnh Thị Vi P.

Về con chung: Anh và chị Huỳnh Thị Vi P có 02 (Hai) con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 14/3/2009 và Lê Hoàng A, sinh năm 16/7/2011. Các cháu hiện đang sống với anh. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Bản thân anh có khả năng về kinh tế để nuôi các con chung là Lê Quốc T và Lê Hoàng A nên anh không yêu cầu chị Huỳnh Thị Vi P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Huỳnh Thị Vi P không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Vi P vắng mặt nhưng tại đơn giải quyết việc ly hôn ngày 27/5/2017 thể hiện:

Chị và anh Lê Hoài T đăng ký kết hôn từ tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống chị đã không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, đã gây ra nhiều phiền toái, ảnh hưởng đến gia đình. Chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị.

Về con chung: Chị và anh Lê Hoài T có 02 (Hai) con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 14/3/2009 và Lê Hoàng A, sinh năm 16/7/2011. Các cháu hiện đang sống với anh Lê Hoài T. Ly hôn chị yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng A. Tuy nhiên vì điều kiện hiện nay của chị, tạm thời anh Lê Hoài T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, khi nào có điều kiện chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Lê Hoài T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Các khoản nợ riêng của chị không liên quan đến anh Lê Hoài T nên chị sẽ sắp xếp trả dần.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn anh Lê Hoài T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Vi P, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoài T về yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Vi P và giao các cháu Lê Quốc T, Lê Hoàng A cho anh Lê Hoài T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hoài T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Lê Hoài T và chị Huỳnh Thị Vi P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai

ngày 19/7/2008. Hôn nhân của anh T và chị P tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng anh Lê Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Huỳnh Thị Vi P đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn chị Huỳnh Thị Vi P cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Huỳnh Thị Vi P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để chị trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoài T, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ ngày 21/7/2017 và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác ngày 09/8/2017 cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị P vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Từ lời khai của anh Lê Hoài T và văn bản trình bày ý kiến của chị Huỳnh Thị Vi P có cơ sở nhận định: Anh T và chị P phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong cuộc sống, chị P không làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ, không chăm lo cho gia đình, gây phiền hà và ảnh hưởng đến cá nhân anh T và gia đình bởi các khoản vay riêng cá nhân của chị P. Anh Lê Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chị Huỳnh Thị Vi P cũng thống nhất.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh Lê Hoài T và chị Huỳnh Thị Vi P phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoài T, xử cho anh T được ly hôn chị Huỳnh Thị Vi P.

Về con chung: Anh Lê Hoài T và chị Huỳnh Thị Vi P có 02 (Hai) con chung là cháu Lê Quốc T, sinh ngày 14/3/2009 và Lê Hoàng A, sinh năm 16/7/2011.

Anh Lê Hoài T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị Huỳnh Thị Vi P có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Hoàng A. Xét các cháu Lê Quốc T và Lê Hoàng A hiện đang sống và sinh hoạt ổn định với anh T, cháu T có nguyện vọng sống với anh T trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn. Đồng thời chị P cũng thừa nhận chị không đảm bảo điều kiện để chăm sóc cháu Lê Hoàng A nên tạm giao cho anh Lê Hoài T chăm sóc hai con. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc giao cháu Lê Quốc T và Lê Hoàng A cho anh Lê Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Hoài T đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quốc T và Lê Hoàng A nên không yêu cầu chị Huỳnh Thị Vi P cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Lê Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Anh Lê Hoài T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Hoài T

Anh Lê Hoài T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Vi P

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là cháu Lê Quốc T, sinh ngày 14/3/2009 và Lê Hoàng A, sinh năm 16/7/2011 cho anh Lê Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Lê Hoài T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003245 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn anh Lê Hoài T được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn chị Huỳnh Thị Vi P vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 63 - quyền số 01/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(*Đã ký*)

Võ Thị Thanh Thúy